

## POSITIVE ( KHẲNG ĐỊNH)

I/YOU/WE/ THEY/ CHỦ NGỮ SỐ NHIỀU

V ( ĐỘNG TỪ NGUYÊN THỂ)

I eat

You eat

They eat

My parents eat.

HE/SHE/IT/ CHỦ NGỮ SỐ ÍT

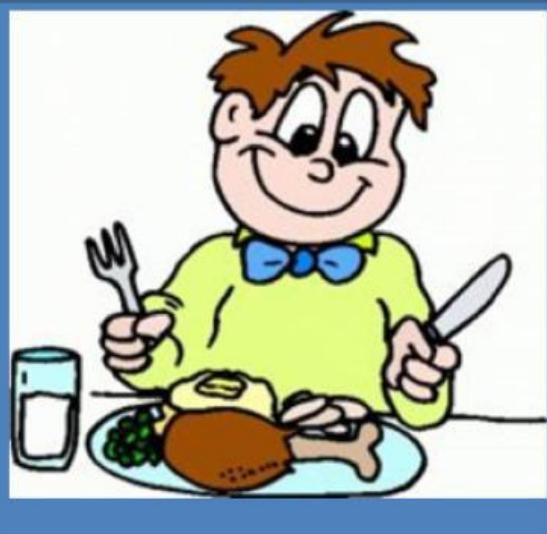
Vs/Ves ( ĐỘNG TỪ THÊM "S" HOẶC "ES")

he eats

she eats

it eats

My dog eats.



Nếu động từ kết thúc bằng "o, ch, x, sh, z, s, ss" thì thêm "es"

go- goes, watch-watches, fix-fixes,  
wash-washes, miss-misses

Nếu động từ kết thúc bằng "y" chuyển thanh "ies" Nhưng trước "y" là nguyên âm "u, e, o, a, i" thì thêm "s" bình thường

cry- cries, try-tries

Nhưng: play-plays, enjoy-enjoys



### 1 Change the verbs form.

I/you/we/they

He/she/it

1. wake up

wakes up

2. walk

\_\_\_\_\_

3. study

\_\_\_\_\_

4. brush

\_\_\_\_\_

I/you/we/they

He/she/it

5. watch

\_\_\_\_\_

6. cry

\_\_\_\_\_

7. drink

\_\_\_\_\_

8. play

\_\_\_\_\_



2

## Choose the verbs and complete the sentences.



1



2



3



4



5

~~brush~~

fly

have

do

kiss

1. Nick brushes his teeth every day.
2. We have science lesson on Mondays.
3. He fly his kite very afternoon.
4. My mom do me every day.
5. Peter have his homework after dinner.



3

## Change and complete the sentences.

1. I get up at six o'clock.
2. I have breakfast every day.
3. I brush his teeth at 7a.m
4. I go to school at 8 a.m
5. I study hard at school.

*He gets up at six o'clock*

Mr Brown\_\_\_\_\_

My brother\_\_\_\_\_

Sam\_\_\_\_\_

She\_\_\_\_\_